

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

BẢNG CHI TIỀN TIẾT DẠY, HỖ TRỢ CÔNG TÁC BUỔI 2
THÁNG 4 NĂM HỌC 2023 - 2024 (từ 01/4/2024 - 26/4/2024)

STT	Họ và tên giáo viên	Số tiết buổi 2 theo tkb				Trễ	Vắng		Dạy thay		Tổng tiết buổi 2
		01/4 - 06/4	08/4 - 13/4	15/4 - 20/4	22/4 - 26/4 (kiểm tra)		Buổi 1	Buổi 2	Buổi 1	Buổi 2	
1	Nguyễn Văn Tường	7	7	7	7						28
2	Dương Quang Kỳ	7	7	7	7						28
3	Nguyễn Chánh	7	7	7	7				2		28
4	Vũ Hồng Tú	7	7	7	7						28
5	Hồ Thị Bích Nga	6	6	6	6						24
6	Nguyễn Khắc Thành	7	7	7	7						28
7	Vũ Thị Thúy Quỳnh	7	7	7	7						28
8	Lê Thị Thu Hằng	6	6	6	6				2		24
9	Võ Thị Kiêm Trúc	6	6	6	6						24
10	Hồ Thị Thu Hồng	7	7	7	7						28
11	Trần Thị Tú Phương	7	7	7	7						28
12	Nguyễn Thị Thuận	6	6	6	6						24
13	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	7	7	7	7						28
14	Hà Quốc Hưng	7	7	7	7						28
15	Phạm Thị Thanh Tâm	7	7	7	7						28
16	Nguyễn Thị Bảo Xuyên	7	7	7	7						28
17	Nguyễn Thị Tuyết Sâm	7	7	7	7						28
18	Thiều Thị Trúc Uyên	5	5	5	5						20
19	Nguyễn Thị Thùy Trang	4	4	4	4						16
20	Nguyễn Thị Ngọc Loan	3	3	3	3						12
21	Trần Thị Kim Bắc	5	5	5	5						20

ngi 4 tiết chấm olympic, không trừ

STT	Họ và tên giáo viên	Số tiết buổi 2 theo tkb				Trễ	Vắng		Dạy thay		Tổng tiết buổi 2
		01/4 - 06/4	08/4 - 13/4	15/4 - 20/4	22/4 - 26/4 (kiểm tra)		Buổi 1	Buổi 2	Buổi 1	Buổi 2	
22	Lê Thị Xuân Phúc	4	4	4	4						16
23	Tạ Thị Minh Tuyền	3	3	3	3						12
24	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	3	3	3	3						12
25	Nguyễn Thúy Ly	4	4	4	4						16
26	Nguyễn An Hồ Quỳnh Giao	4	4	4	4				1	1	17
27	Trương Thị Ngọc Diễm	5	5	5	5						20
28	Trần Thị Thu Trang	3	3	3	3						12
29	Nguyễn Thị Thà	3	3	3	3						12
30	Nguyễn Minh Quyền	4	4	4	4						16
31	Trần Thị Dũ	1	1	1	1						4
32	Trương Lâm Viên	4	4	4	4						16
33	Phan Thanh Tiếng	4	4	4	4						16
34	Nguyễn Thu Huyền	1	1	1	1						4
35	Đoàn Văn Bay	4	4	4	4						16
36	Đoàn Thị Như Hương	4	4	4	4						16
37	Hoàng Thị Mỹ Hiếu	5	5	5	5						20
38	Phạm Thị Thanh Nga	5	5	5	5						20
39	Trần Thị Ngọc Châu	4	4	4	4						16
40	Võ Thị Xuân Hồng Yến	4	4	4	4						16
41	Tổng Đức Huy	4	4	4	4						16
42	Phạm ánh Nguyệt	4	4	4	4				4		16
43	Nguyễn Văn Vĩnh Hào	4	4	4	4						16
44	Nguyễn Trung Kiên	5	5	5	5				3	3	23
45	Chu Thị Kim Hương	5	5	5	5						20
46	Hoàng Thị Thắm	1	1	1	1						4
47	Nguyễn Tuyết Trinh	1	1	1	1						4
48	Nguyễn Đức Chính	0	0	0	0						0
49	Phạm Thị Thanh An	3	3	3	3						12

thay cô Dũ đi họp

nghi đi họp, ko trừ

thay K. Hương chấm thi

thay K. Hương chấm thi
chấm thi HSG9

STT	Họ và tên giáo viên	Số tiết buổi 2 theo tkb				Trễ	Vắng		Dạy thay		Tổng tiết buổi 2
		01/4 - 06/4	08/4 - 13/4	15/4 - 20/4	22/4 - 26/4 (kiểm tra)		Buổi 1	Buổi 2	Buổi 1	Buổi 2	
50	Phan Quỳnh Ngọc Hà	2	2	2	2						8
51	Nguyễn Thị Bích Thủy	2	2	2	2						8
52	Đặng Phương An	3	3	3	3						12
53	Nguyễn Thị Minh Linh	2	2	2	2						8
54	Phan Phú Hải	3	3	3	3						12
55	Nguyễn Thị Ngọc Yến	3	3	3	3						12
56	Đỗ Đặng Quỳnh Phương	1	1	1	1						4
57	Phạm Thị Quỳnh Giao	0	0	0	0						0
58	Lê Thị Sinh	0	0	0	0				6	1	1
59	Lê Thị Hồng Thủy	1	1	1	1			1			3
60	Vũ Thị Mỹ	0	0	0	0						0
61	Trần Văn Thuật	1	1	1	1						4
62	Võ Như Thùy	0	0	0	0						0
63	Nguyễn Văn Minh	0	0	0	0						0
64	Bùi Kim Thu	0	0	0	0				4		0
65	Trần Thanh Công	0	0	0	0						0
66	Trịnh Hải Yến	0	0	0	0		4				0
67	Nguyễn Thị Mỹ	1	1	1	1						4
68	Bùi Phương Thùy	1	1	1	1						4
69	Phạm Văn Giang	0	0	0	0						0
70	Lê Thị Tuyết Lan	6	6	6	6						24
71	Hồ Kim Phụng	5	5	5	5						20
72	Đặng Thị Thủy	4	4	4	4						16
73	Huỳnh Thị Ngọc Yến	4	4	4	4						16
74	Trương Thị Ái	4	4	4	4						16
75	Hoàng Thị Tâm	5	5	5	5						20
76	Đặng Thị Thanh Vân	4	4	4	4						16
77	Đặng Thị Trần Nga	4	4	4	4						16

vắng tang, không trừ b1

đổi 2t cô Uyên T

chấm thi HSG9, không trừ

STT	Họ và tên giáo viên	Số tiết buổi 2 theo tkb				Trễ	Vắng		Dạy thay		Tổng tiết buổi 2
		01/4 - 06/4	08/4 - 13/4	15/4 - 20/4	22/4 - 26/4 (kiểm tra)		Buổi 1	Buổi 2	Buổi 1	Buổi 2	
78	Võ Thị Thanh Thảo	4	4	4	4				3	1	17
79	Phạm Thị Thùy Loan	3	3	3	3						12
80	Nguyễn Thanh Tuấn	5	5	5	5				1	3	23
81	Trần Thị Thanh Loan	4	4	4	4						16
82	Lê Thị Duyên	4	4	4	4						16
83	Hoàng Thị Hòa	5	5	5	5						20
84	Nguyễn Thị Kim Lành	5	5	5	5		2	2			18
85	Phan Thị Thanh Sơn	5	5	5	5						20
86	Nguyễn Thị Bích Diệp	4	4	4	4				5	3	19
87	Nguyễn Anh Thư	4	4	4	4						16
88	Ngô Hoàng Minh Thảo	6	6	6	6						24
89	Dương Thanh Thảo	3	3	3	3						12
90	Trần Hỷ Quyên	3	3	3	3						12
91	Đinh Thị Thủy	3	3	3	3						12
92	Hoàng Thị Hương Nguyên	5	5	5	5						20
93	Lê Thị Mỹ Lệ	4	4	4	4						16
94	Nguyễn Ngọc Uyên Phương	3	3	3	3						12
95	Võ Thiên Tuyền	5	5	5	5						20
96	Tô Thanh Hòa	4	4	4	4						16
97	Nguyễn Thị Ngọc Lê	5	5	5	5						20
98	Lê Minh Trí	4	4	4	4						16
99	Bành Thị Thu Cúc	1	1	1	1						4
100	Trịnh Thị Nhung	0	0	0	0						0
101	Phan Thị Thanh Mai	1	1	1	1						4
102	Trần Thị Lý	0	0	0	0						0
103	Nguyễn Thu Hà	0	0	0	0						0
104	Trần Thị Châu Phoa	0	0	0	0						0
105	Hà Thị Kim Anh	0	0	0	0						0

chấm thi HSG9, không trừ

chấm thi Olympic, không trừ

STT	Họ và tên giáo viên	Số tiết buổi 2 theo tkb				Trễ	Vắng		Dạy thay		Tổng tiết buổi 2
		01/4 - 06/4	08/4 - 13/4	15/4 - 20/4	22/4 - 26/4 (kiểm tra)		Buổi 1	Buổi 2	Buổi 1	Buổi 2	
106	Nguyễn Thanh Nam	0	0	0	0						0
107	Hoàng Lê Hạnh	0	0	0	0						0
108	Trần Văn Chiến	0	0	0	0						0
109	Vũ Thị Dung	0	0	0	0						0
110	Lê Trí Phương Duy	0	0	0	0						0
111	Bùi Thị Ngọc	0	0	0	0						0
112	Bùi Gia Sang	0	0	0	0						0
113	Nguyễn Thanh Việt	0	0	0	0						0
114	Nguyễn Thị Huyền	0	0	0	0						0
115	Trần Thị Thanh Vân	0	0	0	0						0
116	Vũ Đình Tâm	0	0	0	0						0
117	Hồ Văn Trung	0	0	0	0						0
118	Phạm Quốc Vương	0	0	0	0						0
119	Mai Xuân Thủy	0	0	0	0						0
120	Võ Công Hoan	0	0	0	0						0
121	Nguyễn Kỳ Anh	0	0	0	0		6				0
122	Nguyễn Hồng Ân	0	0	0	0						0
123	Nguyễn Đức Thịnh	0	0	0	0						0
124	Nguyễn Cao Đức	0	0	0	0				2		0
125	Trương Đình Nhân	0	0	0	0						0
126	Hồ Cao Phi	0	0	0	0				4		0
127	Cao Cát Phiên An	0	0	0	0						0
128	Dương Văn Hiệp	0	0	0	0						0
129	Nguyễn Việt Hùng	0	0	0	0						0

Hội thao, không trừ

thay Kỳ Anh
Hội thao, không trừ
thay Kỳ Anh